

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất  
năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của  
Chính phủ Quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây  
dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các  
loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm  
tra số 35/BCTT-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách  
Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại  
kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định; gồm:

1. Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất ở tại phường, thị trấn và ven trục đường giao thông các huyện, thị xã An Nhơn (Bảng giá số 8)

*(Có các Phụ lục giá đất chi tiết kèm theo)*

2. Điều chỉnh, bổ sung giá đất ở tại thành phố Quy Nhơn (Bảng giá số 9)

*(Có Bảng giá đất chi tiết kèm theo)*

3. Điều chỉnh giảm tỷ lệ (%) xác định giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Bảng giá số 10 (Giá đất và mặt nước sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp), với các nội dung sau:

- Tại khoản 1 phần A (Đất sản xuất kinh doanh):

+ Đối với đất thương mại, dịch vụ: Điều chỉnh giảm tỷ lệ từ 60% xuống còn 50% so với giá đất ở của vị trí lô đất đó hoặc liền kề hoặc liền kề khu vực.

+ Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ: Điều chỉnh giảm tỷ lệ từ 50% xuống còn 40% so với giá đất ở của vị trí lô đất đó hoặc liền kề hoặc liền kề khu vực.

- Tại khoản 2 phần A (Đối với khu đất xây dựng công trình phúc lợi công cộng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh): Điều chỉnh giảm tỷ lệ từ 50% xuống còn 40% so với giá đất ở của vị trí lô đất đó hoặc liền kề hoặc liền kề khu vực.

- Mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất xây dựng công trình phúc lợi công cộng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh áp dụng tỷ lệ (%) nêu trên không được thấp hơn mức giá tối thiểu khung giá đất quy định tại Nghị định số 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Điều chỉnh giảm tỷ lệ (%) xác định giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích công cộng và đất phi nông nghiệp khác (Bảng giá số 11):

- Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật) trên địa bàn tỉnh: Điều chỉnh tỷ lệ từ 60% giảm xuống còn 50% giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

- Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP (Đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp): Điều chỉnh tỷ lệ từ 60% giảm xuống còn 50% giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

- Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (kể cả diện tích đất xây dựng tượng đài, bia tưởng niệm, nhà tang lễ trong khu vực quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa) trên địa bàn tỉnh: Điều chỉnh giảm tỷ lệ từ 60% xuống còn 50% giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

- Mức giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích công cộng và đất phi nông nghiệp khác áp dụng tỷ lệ (%) nêu trên không được thấp hơn mức giá tối thiểu khung giá đất quy định tại Nghị định số 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Nghị quyết này điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh tỷ lệ (%) xác định giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Những quy định trong Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh không điều chỉnh, bổ sung theo Nghị quyết này, giá đất vẫn giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND nêu trên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Đã ký**

**Nguyễn Thanh Tùng**